

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

---o0o---



HÀN PHƯƠNG QUỐC VŨ

**VI PHẠM CƠ BẢN HỢP ĐỒNG MUA BÁN
HÀNG HÓA QUỐC TẾ THEO CÔNG ƯỚC VIÊN NĂM 1980
VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ - 2019

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Ngọc Kiện**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích nghiên cứu	4
4. Phạm vi nghiên cứu	5
5. Phương pháp nghiên cứu	5
6. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận văn.....	5
7. Kết cấu của luận văn.....	5
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VI PHẠM CƠ BẢN HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ THEO CÔNG ƯỚC VIÊN 1980	6
1.1 Khái niệm, đặc điểm về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên 1980	6
1.1.1 Khái niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	6
1.1.2 Khái niệm vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên.....	6
1.1.3 Đặc điểm của vi phạm hợp đồng.....	6
1.1.4 Đặc điểm của vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế....	6
1.1.5 Tính cơ bản của vi phạm hợp đồng MBHHQT theo Công ước Viên...7	7
1.1.6. Nội dung pháp luật điều chỉnh về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	7
1.2. Ý nghĩa và giá trị cơ bản của Công ước Viên về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	8
1.3. Tác động của vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đối với nền kinh tế Việt Nam	9
1.3.1 Tác động tích cực:	9
1.3.2 Tác động tiêu cực:	10
Kết luận Chương 1	11
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ VI PHẠM CƠ BẢN HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM	12
2.1. Thực trạng pháp luật về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	12
2.2. Thực tiễn thực hiện quy định vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên và pháp luật Việt Nam.....	12
2.2.1 Có tồn tại đáng kể của bên bị vi phạm:	12

2.2.2 Những gì bên bị vi phạm có quyền kỳ vọng từ hợp đồng bị tước đi đáng kể:	13
2.2.3 Khả năng tiên liệu được hậu quả do hành vi vi phạm gây ra (tổn hại đến mức tước đi đáng kể những gì bên bị vi phạm có quyền kỳ vọng từ hợp đồng).....	15
2.3 Quy định của pháp luật Việt Nam về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	15
2.3.1 Quy định của pháp luật Việt Nam.....	15
2.3.2 Các dạng vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở Việt Nam	15
2.3.3 Nguyên nhân của thực tiễn vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở Việt Nam.....	16
Kết luận Chương 2	16
Chương 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VI PHẠM CƠ BẢN HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM	17
3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	17
3.1.1 Sửa đổi, bổ sung quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng trong pháp luật Việt Nam	17
3.1.2 Các giải pháp cụ thể	18
3.1.2.1 Thống nhất sử dụng thuật ngữ “vi phạm cơ bản” hợp đồng.....	18
3.1.2.2 Sửa đổi, bổ sung Điều 297 Luật Thương mại 2005 về buộc thực hiện đúng hợp đồng.....	18
3.1.2.3. Sửa đổi Điều 39 Luật Thương mại 2005	19
3.1.2.4. Sửa đổi khoản 2 Điều 299 và Điều 312	19
3.1.2.5. Bổ sung Điều luật quy định về hủy bỏ hợp đồng do vi phạm hợp đồng dự đoán trước (vi phạm hợp đồng trước thời hạn)	20
3.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật.....	20
Kết luận Chương 3	21
KẾT LUẬN	22

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Luật Thương mại số 35/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005 tại kỳ họp thứ 7 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016 thay thế Luật Thương mại năm 1997 đã khắc phục những điểm chưa phù hợp của Luật Thương mại 1997 và đã đưa vào Luật Thương mại năm 2005 nhiều khái niệm, quy định mới nhằm điều chỉnh một số loại hình hoạt động thương mại mà trước đây Luật Thương mại 1997 chưa đề cập đến. Tuy vậy, bên cạnh một số điểm mới thì vẫn còn có một số khái niệm, quy định cần được làm rõ hơn và trong số đó có khái niệm “vi phạm cơ bản hợp đồng”.

Theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Luật Thương mại thì vi phạm cơ bản hợp đồng là *“sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng”*. Vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng là cơ sở pháp lý để áp dụng các chế tài thương mại như tạm ngừng thực hiện hợp đồng (Điều 308), đình chỉ thực hiện hợp đồng (Điều 310), hủy bỏ hợp đồng (Điều 312). Tuy nhiên Luật Thương mại năm 2005 còn thiếu các quy định có tính hướng dẫn cụ thể để làm rõ hơn khái niệm này. Mặt khác, theo khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại 2005 quy định *“Hoạt động thương mại không được quy định trong Luật Thương mại và trong các luật khác thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự”*. Tuy nhiên, Bộ luật dân sự 2015 và các văn bản dưới luật cũng không quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng và không có các văn bản hướng dẫn về vấn đề này.

Trong khi đó, “vi phạm cơ bản hợp đồng” là một chế định pháp luật được quy định trong Công ước Viên 1980. Kể từ khi có hiệu lực từ ngày 01/01/1988, đến nay đã có 84 quốc gia tham gia, Công ước Viên được xem là nguồn luật thống nhất về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, đã dung hòa được quan điểm của các quốc gia theo hệ thống Luật Civil Law và Common Law về vấn đề này.

Điều 25 Công ước Viên 1980 quy định *“vi phạm hợp đồng do một bên gây ra là vi phạm cơ bản nếu sự vi phạm đó làm cho bên kia bị thiệt hại mà người bị thiệt hại, trong một chừng mực đáng kể bị mất cái mà họ có quyền chờ đợi trên cơ sở hợp đồng, trừ phi bên vi phạm không tiên liệu được hậu quả đó và một người có lý trí minh mẫn cũng sẽ không tiên liệu được nếu họ cũng ở vào hoàn cảnh tương tự”*.

Tương tự Luật Thương mại, Công ước Viên cũng không đưa ra sự giải thích cụ thể để xác định hành vi vi phạm như thế nào bị coi là vi

phạm cơ bản. Tuy nhiên trải qua hơn 30 năm tồn tại, thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có liên quan đến vi phạm cơ bản hợp đồng, các Tòa án và trọng tài của các quốc gia thành viên Công ước Viên đã căn cứ vào các tình huống cụ thể xác định có hay không một sự vi phạm cơ bản hợp đồng để làm cơ sở áp dụng các chế tài theo Công ước Viên. Vấn đề đặt ra là chế định vi phạm cơ bản hợp đồng trong Công ước Viên đặt ra những vấn đề gì trong thực tiễn áp dụng, Việt Nam học được gì từ những quy định và vận dụng của tòa án, trọng tài của một số quốc gia thành viên của Công ước Viên về vi phạm cơ bản hợp đồng và Việt Nam phải đối mặt với vấn đề gì khi không sửa đổi để hoàn thiện quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng?

Do đó việc nghiên cứu đề tài “***Vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên năm 1980 và pháp luật Việt Nam***” là cần thiết và có ý nghĩa lý luận, thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu

2.1 Ở nước ngoài:

- Cuốn sách của tác giả Djakhongir Saidov có tên: “*The Law of Damages in International Sales: The CISG and other International Instruments*” (Dịch ra tiếng Việt là Luật bồi thường thiệt hại trong mua bán quốc tế: Công ước Viên và các công cụ quốc tế khác) được Nxb Hart Publishing xuất bản năm 2008. Sau khi phân tích Công ước Viên với ý nghĩa như là Luật bồi thường thiệt hại trong mua bán hàng hóa quốc tế, tại Chương 5 của cuốn sách này, tác giả Djakhongir Saidov đã phân tích về khả năng tiên liệu thiệt hại do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra - một trong những yếu tố cấu thành vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên. Nói cách khác, tác giả này phân tích thiệt hại do vi phạm hợp đồng với ý nghĩa là yếu tố cấu thành vi phạm cơ bản hợp đồng.

- Bài viết “*Fundamental Breach of Contract under the CISG: A Controversial Rule*” (Dịch ra tiếng Việt là Vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên: Một quy tắc gây tranh cãi) của tác giả Eduardo Grebler, được đăng trên Tạp chí Proceedings of the Annual Meeting (American Society of International Law), Vol. 101 (năm 2007). Trong bài viết này, tác giả Eduardo Grebler đã bình luận Điều 25 Công ước Viên cả về mặt hình thức lẫn nội dung. Theo tác giả này, về mặt hình thức, việc dịch ra nhiều thứ tiếng có thể tạo sự không thống nhất trong cách hiểu về Điều 25 Công ước Viên. Về mặt nội dung, tác giả này cho rằng tính chất cơ bản của vi phạm cơ bản hợp đồng phụ thuộc vào cái gọi là sự lấy đi đáng kể

lợi ích của bên bị vi phạm. Tuy nhiên, thế nào là sự lấy đi đáng kể lợi ích của bên bị vi phạm lại không được giải thích bởi Công ước Viên. Điều này gây khó khăn và do đó trong thực tiễn, vấn đề này do cơ quan giải quyết tranh chấp tự xem xét và quyết định. Trên cơ sở đó, Eduardo Grebler cho rằng đây là bất cập của chính Công ước Viên liên quan đến khái niệm vi phạm cơ bản hợp đồng được quy định tại Điều 25 Công ước Viên.

2.2 Ở trong nước:

Ở Việt Nam, tính đến nay chưa có công trình hay sách chuyên khảo nào nghiên cứu một cách hệ thống, cụ thể về vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên. Chỉ có một số nghiên cứu thể hiện ở những khía cạnh khác nhau liên quan đến vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

*** Về sách:**

Cuốn “*Chế định hợp đồng trong Bộ luật Dân sự Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Ngọc Khánh được Nhà xuất bản Tư pháp xuất bản năm 2007 chỉ dành hơn 02 trang đề cập rất sơ lược về khái niệm vi phạm cơ bản hợp đồng và tác giả cho rằng định nghĩa về vi phạm cơ bản hợp đồng tại khoản 13 Điều 3 Luật Thương mại cũng tương tự khái niệm vi phạm cơ bản hợp đồng được nêu trong Công ước Viên 1980.

Cuốn “*Các biện pháp xử lý việc không thực hiện đúng hợp đồng*” của tác giả Đỗ Văn Đại, Nxb Chính trị quốc gia xuất bản năm 2010 (tái bản năm 2013), cho rằng “chỉ nên coi những vi phạm có ảnh hưởng lớn tới hợp đồng mới gọi là cơ bản” và việc xác định tính chất nghiêm trọng của hành vi vi phạm hợp đồng là “phụ thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và khi có tranh chấp thì Tòa án sẽ tự xác định”.

*** Luận văn thạc sĩ:**

Luận văn Thạc sĩ Luật của tác giả Phạm Thị Minh Nguyệt, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh “*Vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng và chế tài khi vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng*” năm 2013. Luận văn này nghiên cứu khái quát về khái niệm và vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng thương mại nói chung và theo quy định của Luật Thương mại, các chế tài áp dụng khi có sự vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.

*** Các bài báo chuyên ngành Luật:**

Bài viết “*Hoàn thiện chế định hợp đồng*” của tác giả Phan Chí Hiếu đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 04/2005, trong đó tác giả cho rằng vi phạm cơ bản là một sự vi phạm nghiêm trọng và cần có giải thích thế nào là vi phạm nghiêm trọng.

Bài viết “*Vi phạm cơ bản hợp đồng*” của tác giả Đỗ Văn Đại đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 9/2004 đã giải thích thuật ngữ “cơ bản”, “vi phạm cơ bản”. Ở bài viết này, tác giả nhấn mạnh một số vấn đề quốc tế về hợp đồng đều không sử dụng khái niệm “vi phạm cơ bản”. Theo quan điểm của tác giả này, không nên tiếp nhận từ nước ngoài những thuật ngữ cũ hoặc không rõ ràng gây khó khăn trong việc áp dụng thống nhất.

2.3 Đánh giá chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Một là, các công trình nghiên cứu ngoài nước phân tích dưới nhiều góc độ khác nhau về vi phạm cơ bản hợp đồng với ý nghĩa là khái niệm được quy định tại Điều 25 Công ước Viên và điều kiện áp dụng chế tài yêu cầu giao hàng thay thế, hủy hợp đồng theo quy định tại các Điều 46, 49, 51, 64, 70, 72 và Điều 73 Công ước Viên. Trong khi đó, ở Việt Nam thì chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp khái niệm vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên mà đơn thuần chỉ là những quan điểm phản ánh sự khó khăn do tính phức tạp trong quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng tại khoản 13 Điều 3 Luật Thương mại. Nhìn chung, các bài viết, công trình nghiên cứu chưa đề cập một cách chuyên sâu, toàn diện về những vấn đề liên quan đến khái niệm vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên và theo pháp luật Việt Nam nhằm làm rõ những bất cập của cả Công ước Viên và của cả pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

Hai là, chưa có các công trình nghiên cứu, đánh giá hay nhận xét về những khó khăn trong việc vận dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về vi phạm cơ bản hợp đồng và cũng chưa có các công trình nghiên cứu về việc áp dụng các chế tài khi có sự vi phạm cơ bản trong thực tiễn giao kết và thực hiện hợp đồng thương mại của doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là chế tài hủy bỏ hợp đồng.

Ba là, chưa có các công trình nghiên cứu những bất cập của pháp luật Việt Nam trong các quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng nhằm đề xuất giải pháp sửa đổi và hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

3. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận cơ bản về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế trong khoa học pháp lý Việt Nam.

- Đánh giá quy định của Công ước Viên năm 1980 và pháp luật Việt Nam về vi phạm cơ bản hợp đồng MBHHQT, qua đó làm rõ thực tiễn thực hiện, tìm ra nguyên nhân của thực trạng vi phạm cơ bản hợp đồng MBHHQT ở Việt Nam.

- Đề xuất một số giải pháp để khắc phục vi phạm cơ bản hợp đồng MBHHQT ở Việt Nam có tính khoa học và có tính khả thi cao.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt lý luận:

Đề có tính khái quát cao, đề tài tập trung nghiên cứu, làm rõ khái niệm và đặc điểm của vi phạm cơ bản hợp đồng MBHHQT theo Công ước Viên 1980 và ý nghĩa, giá trị cơ bản của nó; đề tài nghiên cứu làm rõ các yếu tố tác động của vi phạm cơ bản hợp đồng đối với nền kinh tế Việt Nam.

- Về không gian:

Đề tài đánh giá có giới hạn luật thực định theo Công ước Viên 1980 và theo pháp luật Việt Nam về vi phạm cơ bản hợp đồng MBHHQT.

- Về thời gian:

Đề tài chỉ nghiên cứu vi phạm cơ bản hợp đồng MBHHQT ở Việt Nam với các vụ việc điển hình ở Việt Nam trong việc áp dụng Công ước Viên. Để làm giàu tri thức khoa học của công trình này, đề tài còn nghiên cứu một số vụ việc tranh chấp về MBHHQT ở một số nước trên thế giới.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ các vấn đề nghiên cứu, luận văn được hoàn thành trên cơ sở của phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được áp dụng: phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp so sánh.

6. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận văn

- Làm rõ những vấn đề lý luận về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, vi phạm cơ bản hợp đồng, vi phạm cơ bản mua bán hàng hóa quốc tế, cơ chế điều chỉnh pháp luật đối với vi phạm cơ bản hợp đồng. Trong đó nêu khái niệm khoa học về vi phạm cơ bản hợp đồng MBHHQT theo Công ước Viên 1980.

- Làm rõ quy định và thực tiễn xác định các yếu tố cấu thành tính cơ bản của vi phạm hợp đồng và chế tài do vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên (có so sánh với quy định của pháp luật Việt Nam).

- Phân tích và làm rõ những bất cập của quy định về vi phạm cơ bản trong pháp luật Việt Nam và bất cập trong việc áp dụng quy định này trên cơ sở quy định và thực tiễn vận dụng của Công ước Viên. Từ đó, đề xuất định hướng và giải pháp cụ thể cho việc hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về vi phạm cơ bản hợp đồng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương sau:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên 1980
- Chương 2: Các yếu tố cấu thành vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam
- Chương 3: Giải pháp khắc phục vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở Việt Nam

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ VI PHẠM CƠ BẢN HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ THEO CÔNG ƯỚC VIÊN 1980

1.1 Khái niệm, đặc điểm về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên 1980

1.1.1 Khái niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Qua những phân tích về khái niệm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của các quan điểm khác nhau thì tác giả có thể đưa ra khái niệm về hợp đồng MBHHQT như sau: Hợp đồng MBHHQT là *hợp đồng mua bán hàng hóa có tính chất quốc tế hay có yếu tố nước ngoài, theo đó một bên (người bán) có nghĩa vụ giao hàng, chứng từ liên quan hàng hóa và quyền sở hữu về hàng hóa cho bên kia (người mua) và người mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng và nhận hàng.*

1.1.2 Khái niệm vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên

Từ những nhận định trên có thể hiểu vi phạm hợp đồng như sau: Vi phạm hợp đồng là việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, theo thói quen trong thương mại giữa các bên, pháp luật điều chỉnh hợp đồng hoặc tập quán thương mại quy định.

1.1.3 Đặc điểm của vi phạm hợp đồng

- Thứ nhất, vi phạm hợp đồng là hành vi vi phạm “luật” giữa các bên.
- Thứ hai, hành vi vi phạm hợp đồng có thể xảy ra trước thời hạn (vi phạm dự đoán trước) hoặc khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Thứ ba, vi phạm hợp đồng là căn cứ để xác định trách nhiệm hợp đồng của bên vi phạm.

1.1.4 Đặc điểm của vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

- Vi phạm cơ bản hợp đồng ảnh hưởng nghiêm trọng (lấy đi đáng kể) lợi ích mong muốn từ hợp đồng của bên bị vi phạm

- Vi phạm cơ bản hợp đồng là căn cứ cho bên bị vi phạm lựa chọn duy trì hoặc rút lui khỏi hợp đồng

1.1.5 Tính cơ bản của vi phạm hợp đồng MBHHQT theo Công ước Viên

Nội dung của hợp đồng được cấu thành bởi các điều khoản cơ bản, điều khoản tùy nghi và điều khoản thông thường. Tuy nhiên, điều khoản cơ bản của hợp đồng là gì thì hiện nay còn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau. Luận văn đã phân tích cụ thể tính cơ bản vi phạm hợp đồng MBHHQT theo Công ước Viên với những nội dung gồm:

- Về mặt thuật ngữ.
- Về phương diện học thuật.

Bên cạnh đó, có các giáo trình cũng như những quan điểm về tính cơ bản của vi phạm hợp đồng MBHHQT đã được tác giả nêu rõ trong Luận văn.

Tóm lại, có thể thấy rằng, pháp luật của các quốc gia, trong đó có Việt Nam cũng như văn bản pháp lý quốc tế đều tiếp cận tính chất cơ bản của vi phạm hợp đồng dựa vào mức độ ảnh hưởng đáng kể, nghiêm trọng của hậu quả do hành vi vi phạm của một bên gây ra với những gì các bên mong muốn đạt được từ hợp đồng. Mức độ ảnh hưởng đáng kể của hậu quả hành vi vi phạm hợp đồng có khi được đo bằng hậu quả của tổn hại mà hành vi vi phạm gây ra hoặc mức độ tổn mất của lợi ích mà các bên mong muốn, kỳ vọng đạt được từ hợp đồng. Tuy nhiên, việc xác định hậu quả của hành vi vi phạm thông qua tổn hại sẽ khó có thể thực hiện được đối với vi phạm hợp đồng dự đoán trước, tức là tổn hại không xảy ra trên thực tế.

1.1.6. Nội dung pháp luật điều chỉnh về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Pháp luật điều chỉnh về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đã được quy định tại Điều 49 và Điều 64 Công ước Viên đó là: chỉ khi một bên không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng cấu thành vi phạm cơ bản hợp đồng thì bên kia có quyền hủy hợp đồng. Vi phạm cơ bản hợp đồng cũng được sử dụng như là căn cứ để áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng trong một số tình huống đặc biệt như: Người mua có thể tuyên bố hủy hợp đồng nếu việc không giao hàng đầy đủ hoặc phù hợp với hợp đồng cấu thành vi phạm cơ bản hợp đồng (khoản 2 Điều 51), hủy hợp đồng đối với vi phạm trước thời hạn (Điều 72), giao hàng từng phần (Điều 73). Bên cạnh đó, vi phạm cơ bản hợp đồng còn là điều kiện tiên quyết đối với quyền yêu cầu giao hàng thay thế nếu hàng hóa được giao không phù hợp với hợp đồng (khoản 2, Điều 46). Vì vậy, vi phạm cơ

bản hợp đồng đã tạo ra “ranh giới” với các chế tài thông thường do vi phạm hợp đồng như bồi thường thiệt hại, giảm giá hàng hóa với chế tài nặng nề như hủy bỏ hợp đồng. Điều 70 Công ước Viên quy định nếu người bán vi phạm cơ bản hợp đồng thì các quy định của Điều 67,68,69 không ảnh hưởng đến quyền của người mua sử dụng các chế tài đối với vi phạm đó.

1.2. Ý nghĩa và giá trị cơ bản của Công ước Viên về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Có hiệu lực từ ngày 01/01/1988, cho đến nay đã trở thành một trong các công ước quốc tế về thương mại được phê chuẩn và áp dụng rộng rãi nhất. Trong phạm vi hẹp hơn, so với các công ước đa phương khác về mua bán hàng hóa (như các công ước Hague 1964), Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG) là Công ước quốc tế có quy mô lớn hơn hẳn về số quốc gia tham gia và mức độ được áp dụng. Với 84 quốc gia thành viên, ước tính Công ước này điều chỉnh các giao dịch chiếm đến ba phần tư thương mại hàng hóa thế giới.

Sự thành công của Công ước Viên 1980 được khẳng định trong thực tiễn với hơn 2500 vụ tranh chấp đã được Tòa án và trọng tài các nước/quốc tế giải quyết có liên quan đến việc áp dụng và diễn giải Công ước Viên 1980 được báo cáo. Điểm cần nhấn mạnh là 2500 vụ việc này không chỉ phát sinh tại các quốc gia thành viên. Tại các quốc gia chưa phải là thành viên, Công ước vẫn được áp dụng, hoặc do các bên trong hợp đồng lựa chọn Công ước Viên 1980 như là luật áp dụng cho hợp đồng, hoặc do các tòa án, trọng tài dẫn chiếu đến để giải quyết tranh chấp. Nhiều doanh nhân tại các quốc gia chưa phải là thành viên CISG đã tự nguyện áp dụng CISG cho các giao dịch thương mại quốc tế của mình, bởi vì họ thấy được những ưu việt của CISG so với luật quốc gia.

Vai trò của CISG còn thể hiện ở chỗ CISG là nguồn tham khảo quan trọng của Bộ nguyên tắc UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế (PICC) và Các nguyên tắc của Luật Hợp đồng Châu Âu (PECL). Trên cơ sở nền tảng của CISG, các nguyên tắc này đã trở thành các văn bản thống nhất luật quan trọng về hợp đồng, được nhiều quốc gia và doanh nhân tham khảo và sử dụng trong các giao dịch thương mại quốc tế.

Theo các chuyên gia và các doanh nghiệp, có nhiều yếu tố lý giải tại sao CISG lại là một trong những Công ước thống nhất về luật tư thành công nhất:

Thứ nhất, CISG được soạn thảo và thực thi dưới sự bảo trợ của Liên Hợp Quốc - tổ chức quốc tế liên chính phủ lớn nhất hành tinh.

Thứ hai, cách thức soạn thảo CISG cho thấy những nỗ lực thực sự trong việc tạo ra các quy phạm thực chất thống nhất về mua bán hàng hóa quốc tế

Thứ ba, nội dung của Công ước được đánh giá là hiện đại, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn mua bán hàng hóa quốc tế

Thứ tư, CISG có được sự ủng hộ rất lớn từ phía các trọng tài quốc tế và của ICC

1.3. Tác động của vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đối với nền kinh tế Việt Nam

1.3.1 Tác động tích cực:

Một là, bằng pháp luật, bằng những quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng, Nhà nước ghi nhận những nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường. Không có những nguyên tắc cơ bản như tự do sở hữu, tự do kinh doanh, tự do hợp đồng, tự do cạnh tranh thì Nhà nước sẽ không thể thiết kế được một mô hình nền kinh tế là nền kinh tế thị trường định hướng XNCN mà mình mong muốn tại Việt Nam (các nguyên tắc này được quy định chủ yếu trong Hiến pháp, Bộ luật Dân sự và các luật chuyên ngành khác).

Hai là, nền kinh tế thị trường chính là nền kinh tế tự thân vận động là chủ yếu, nhưng điều đó không có nghĩa là nó không cần đến sự quản lý, điều hành và sự can thiệp ở một mức độ nhất định từ phía Nhà nước. Bằng pháp luật, Nhà nước quy định địa vị pháp lý một cách đầy đủ, rõ ràng cho các cơ quan trong bộ máy quản lý kinh tế của Nhà nước, giúp bộ máy này dù có phức tạp, đồ sộ đến đâu vẫn có được sự đồng bộ về mặt tổ chức, sự nhịp nhàng, thông suốt trong sự quản lý điều hành, góp phần làm cho việc quản lý nền kinh tế trở nên có hiệu quả và hiệu lực.

Ba là, nền kinh tế thị trường không thể thiếu được các nhân vật trung tâm của nó là các doanh nghiệp. Bằng pháp luật, Nhà nước tạo lập ra các loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh (chủ yếu là dưới hình thức các doanh nghiệp) để không chỉ góp phần cá thể hóa các chủ thể tham gia quan hệ thị trường với nhau, mà còn với các cơ quan nhà nước, làm cho các chủ thể này tuy khác nhau về tên gọi, về hình thức sở hữu, về hình thức tổ chức, về quy mô kinh doanh và lĩnh vực đầu tư, nhưng vẫn có được sự tách bạch, độc lập về mọi mặt để có thể tham gia vào quan hệ thị trường một cách bình thường. Nói cách khác, không có pháp luật để xác định một cách rõ ràng địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, thì các chủ thể này sẽ không thể thiết lập các quan hệ trao đổi hàng hóa - loại quan hệ chủ yếu nhất và phổ biến nhất của nền kinh tế thị trường.

Bốn là, nhờ có pháp luật, Nhà nước quy định các biện pháp chế tài (dân sự, hành chính, hình sự) nhằm trừng phạt các hành vi vi phạm pháp luật từ phía các doanh nghiệp, qua đó góp phần bảo đảm cho quan hệ thị trường được ổn định, không bị tùy tiện vi phạm. Tóm lại, nhờ có pháp luật mà Nhà nước có thể tạo lập được một môi trường kinh doanh có trật tự, an toàn - một yêu cầu không thể thiếu được của bất cứ nền kinh tế thị trường bình thường nào.

Năm là, bằng pháp luật, Nhà nước có thể khuyến khích hay hạn chế sự phát triển của một ngành kinh tế, một lĩnh vực kinh tế, một địa phương nào đó, một vùng lãnh thổ nào đó, góp phần thực hiện chính sách phát triển kinh tế đồng đều, hài hòa ở nước ta.

1.3.2 Tác động tiêu cực:

Một là, nhiều quy định có nội dung còn chung chung, do đó cần phải ban hành nhiều văn bản dưới luật để cụ thể hóa và điều này đã làm chậm quá trình thực thi luật vào cuộc sống.

Hai là, pháp luật kinh tế chưa đảm bảo tính đồng bộ, do đó nhiều quy định mang tính nguyên tắc được ghi nhận trong Hiến pháp và các đạo luật chưa được thực thi. Tính không đồng bộ giữa luật và các văn bản hướng dẫn luật về những vấn đề nêu trên đã làm cho nguyên tắc tự do kinh doanh được ghi nhận trong Hiến pháp đã không được thực hiện một cách dễ dàng, triệt để trong thực tế.

Ba là, về mặt nội dung, nhiều quy định không phù hợp với thực tế. Nguyên nhân là do việc khảo sát, đánh giá thực tiễn về những vấn đề có liên quan chưa được thực hiện tốt.

Bốn là, các thiết chế thực thi pháp luật chậm được xây dựng và hoàn thiện, do đó cũng có những ảnh hưởng nhất định đến việc thực thi pháp luật kinh tế ở Việt Nam.

Kết luận Chương 1

Việc nghiên cứu về pháp luật vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có ý nghĩa hết sức quan trọng trong các quan hệ hợp đồng dân sự quốc tế. Pháp luật Việt Nam dần dần đã hoàn thiện hơn các quy định pháp luật để phù hợp với sự hội nhập trong các quan hệ mua bán quốc tế, phát triển đất nước theo nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa.

Qua việc nghiên cứu này, tại Mục 1.1 xác định được khái niệm và đặc điểm của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên, từ đó tại Mục 1.2 làm nổi bật ý nghĩa và giá trị Công ước Viên 1980 về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Ngoài ra tác giả nêu lên được sự tác động của vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế đến nền kinh tế Việt Nam vừa có mặt tích cực, vừa có mặt hạn chế để qua đó phát huy những ưu điểm và khắc phục những bất cập, tồn tại, đưa Việt Nam hội nhập quốc tế tốt hơn.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ VI PHẠM CƠ BẢN HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Khái niệm vi phạm cơ bản hợp đồng được phân tích qua các quan điểm của các tác giả có những công trình về đề tài này, qua những cuốn sách hay đã được tác giả đưa vào Luận văn.

2.2. Thực tiễn thực hiện quy định vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên và pháp luật Việt Nam

2.2.1 Có tổn hại đáng kể của bên bị vi phạm:

Vi phạm hợp đồng thường làm phát sinh tổn hại nhưng tổn hại không luôn luôn tồn tại khi có vi phạm hợp đồng. Trong thực tế, không hiếm trường hợp có việc vi phạm hợp đồng nhưng không có tổn hại. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 25 Công ước Viên, tổn hại do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra là yếu tố bắt buộc, tiên quyết cấu thành tính cơ bản của vi phạm hợp đồng.

(i) Tòa án, trọng tài xem tỷ lệ hàng hóa có chất lượng không phù hợp với hợp đồng ở mức cao là tổn hại đáng kể

Vụ *Delchi v. Rotorex*: Vào tháng 1/1988, Công ty Rotorex đồng ý bán 10.800 máy nén khí cho Công ty Delchi để sử dụng cho máy điều hòa trong phòng. Delchi phát hiện rằng một số lượng lớn máy nén của lô hàng thứ nhất có chất lượng không phù hợp với mẫu và tiêu chí kỹ thuật kèm theo. Tòa phúc thẩm Liên bang cho rằng: tỷ lệ 93% hàng hóa có chất lượng không phù hợp quy định hợp đồng trong mối tương quan với tổng giá trị hợp đồng là tổn hại rất đáng kể và vi phạm hợp đồng như vậy được coi là vi phạm cơ bản hợp đồng¹.

(ii) Tòa án, trọng tài xem lợi nhuận bị mất đi, tổn hại về uy tín, quyền và lợi ích pháp lý là tổn hại đáng kể khi xác định vi phạm cơ bản hợp đồng

Vụ “*Rabbit skin*”: Tranh chấp giữa người bán Trung Quốc và người mua Tây Ban Nha liên quan hợp đồng mua bán da thỏ tươi đông lạnh, theo đó người bán ký hợp đồng cung cấp cho người mua 160.000 miếng da thỏ tươi đông lạnh. Người bán đã không giao hàng cho người mua. Hành vi của người bán đã hủy hoại chuỗi kinh doanh và làm ảnh hưởng

¹ United States 6 December 1995 Federal Appellate Court [2nd Circuit] (*Delchi Carrierv.Rotorex*), tham khảo tại <http://www.cisg.law.pace.edu/cisg/wais/db/cases2/951206u1.htm>, truy cập ngày 13/12/2018

ng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích pháp lý của người mua. Và như vậy người bán đã tước đi của người mua những lợi ích mà người mua có quyền mong chờ từ hợp đồng hay nói cách khác việc không giao hàng của người bán đã cấu thành vi phạm cơ bản hợp đồng².

(iii) Tòa án, trọng tài không xem xét yếu tố tổn hại đáng kể khi xác định vi phạm cơ bản hợp đồng

Trong rất nhiều vụ tranh chấp, khi xác định vi phạm cơ bản hợp đồng theo Điều 25 Công ước Viên, tòa án, trọng tài không xem xét yếu tố tổn hại đáng kể mà chỉ xem xét trực tiếp đến hậu quả của hành vi vi phạm hợp đồng của bên vi phạm có tước đi đáng kể những gì bên bị vi phạm kỳ vọng từ hợp đồng hay không. Đặc biệt là khi người bán hoặc người mua không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng như không giao hàng, giao hàng không đúng thời gian hoặc không thanh toán tiền hàng, không nhận hàng. Thực tiễn xác định những gì bên bị vi phạm kỳ vọng từ hợp đồng có bị tước đi đáng kể hay không sẽ được phân tích ở phần tiếp theo.

2.2.2 Những gì bên bị vi phạm có quyền kỳ vọng từ hợp đồng bị tước đi đáng kể:

Những gì bên bị vi phạm có quyền kỳ vọng từ hợp đồng bị tước đi đáng kể là hệ quả của tổn hại đáng kể do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra, là yếu tố đóng vai trò quan trọng trong việc xác định vi phạm cơ bản hợp đồng bởi nó thể hiện tính nghiêm trọng của hậu quả do vi phạm hợp đồng gây ra theo Điều 25 Công ước Viên. Không phải cứ vi phạm hợp đồng gây “tổn hại” là cấu thành vi phạm cơ bản mà tổn hại phải đến mức “tước đi đáng kể những gì bên bị vi phạm kỳ vọng từ hợp đồng”, tức là tính nghiêm trọng của “tổn hại” do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra phải được xem xét trong mối tương quan với hệ quả của “tổn hại” là “tước đi đáng kể những gì bên bị vi phạm kỳ vọng từ hợp đồng”.

- Xu hướng 1: Hành vi không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng của bên vi phạm luôn dẫn đến hậu quả là những gì bên bị vi phạm kỳ vọng từ hợp đồng bị tước đi đáng kể cho dù có hay không có tổn hại xảy ra

- Người bán không giao hàng

Trong thực tiễn thực hiện hợp đồng MBHHQT, giao hàng, dường như, luôn bị tòa án, trọng tài của một số quốc gia thành viên Công ước coi là “nghĩa vụ cơ bản của người bán”, vì thế, khi người bán vi phạm nghĩa vụ giao hàng thì coi như là vi phạm cơ bản hợp đồng và xem như đủ thỏa mãn điều kiện “tước đi của người mua những gì người mua kỳ vọng từ hợp đồng”.

² China December 2006 CIETAC Arbitration proceeding (*Rabbit skin case*), tham khảo tại <http://cisgw3.law.pace.edu/cases/061200c2.html>, truy cập ngày 13/12/2018.

- Người bán không giao chứng từ liên quan đến hàng hóa cho người mua

Theo quy định của Công ước, người bán không chỉ có nghĩa vụ giao hàng mà còn phải chuyển giao chứng từ liên quan đến hàng hóa và quyền sở hữu về hàng hóa cho người mua. Tuy nhiên, trong thực tiễn, người bán đã vi phạm nghĩa vụ này và vì vậy tòa án và trọng tài một số quốc gia thành viên Công ước coi hành vi vi phạm này của người bán đã tước đi những gì người mua kỳ vọng từ hợp đồng, thỏa mãn yếu tố cấu thành vi phạm cơ bản quy định tại Điều 25.

- Người mua không thanh toán tiền hàng

Hành vi không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng của người mua thường thể hiện ở việc người mua không mở L/C theo quy định của hợp đồng hoặc trong thời gian mà người bán đã gia hạn thêm. Nghĩa vụ mở L/C khi hợp đồng quy định thanh toán bằng phương thức này là nghĩa vụ cơ bản nhất của người mua trong hợp đồng MBHHQT. Vì vậy, việc không thanh toán tiền hàng cũng được tòa án và trọng tài xem như đã tước đi những gì người bán kỳ vọng từ hợp đồng.

- Người mua không nhận hàng

Việc người mua không nhận hàng cũng được xem như thỏa mãn yếu tố tước đi những gì bên bị vi phạm kỳ vọng từ hợp đồng, từ đó cấu thành vi phạm cơ bản hợp đồng.

- Xu hướng 2: Dựa vào mục đích mua hàng để xác định những gì người mua có quyền kỳ vọng từ hợp đồng có bị tước đi hay không trong trường hợp người bán giao hàng có chất lượng không phù hợp với hợp đồng.

Tuy Công ước Viên không quy định trực tiếp nội hàm của cụm từ “những gì kỳ vọng từ hợp đồng” sử dụng tại Điều 25 là gì nhưng Công ước Viên dành khá nhiều điều khoản đề quy định về sự phù hợp của hàng hóa với hợp đồng, đặc biệt khi mục đích sử dụng của hàng hóa không được đáp ứng. Từ đó có thể thấy, trong quan hệ mua bán hàng hóa giữa người bán và người mua, điều mà người bán và người mua quan tâm nhất là mục đích mua hàng. Mà mục đích mua hàng, thông thường, là để bán lại nhằm tìm kiếm lợi nhuận hoặc để sử dụng cho mục đích cụ thể nào đó.

- Đối với mua hàng để bán lại (khả năng thương mại của hàng)

Khi người bán giao hàng có chất lượng không phù hợp hợp đồng quy định, tòa án thường kết luận hành vi vi phạm đó - giao hàng nhưng hàng hóa không thể sử dụng để bán lại là vi phạm cơ bản hợp đồng.

- *Đối với mua hàng nhằm mục đích sử dụng (khả năng sử dụng của hàng)*

Trong một số trường hợp nhất định, tòa án, trọng tài dựa vào điều khoản của hợp đồng để xác định mục đích sử dụng cụ thể mà người bán đã biết hoặc phải biết vào lúc giao kết hợp đồng, từ đó xác định vi phạm cơ bản hợp đồng theo theo Điều 25 Công ước Viên. Lúc này, việc vận dụng quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng của tòa án, trọng tài luôn gắn liền với Điều 35 quy định về hàng hóa phù hợp với hợp đồng.

Tuy nhiên, nếu hàng hóa được giao có chất lượng không phù hợp với hợp đồng những vẫn có khả năng sử dụng được thì tòa án, trọng tài không xem đó là hành vi vi phạm cơ bản hợp đồng.

2.2.3 Khả năng tiên liệu được hậu quả do hành vi vi phạm gây ra (tôn hại đến mức tước đi đáng kể những gì bên bị vi phạm có quyền kỳ vọng từ hợp đồng)

Khả năng tiên liệu được tôn hại đến mức tước đi đáng kể những gì bên bị vi phạm có quyền kỳ vọng từ hợp đồng (hậu quả của hành vi vi phạm) là cơ sở, là điều kiện đủ để xem xét tính cơ bản của vi phạm hợp đồng về phía bên vi phạm. Khả năng tiên liệu của bên bị vi phạm được “đo lường” không chỉ dựa vào bên vi phạm (thường mang tính chủ quan) mà còn dựa vào “người có lý trí ở vào địa vị và hoàn cảnh tương tự” bên bị vi phạm (thường mang tính khách quan). Vì thế, có thể nói, vi phạm hợp đồng chỉ có thể bị coi là vi phạm cơ bản hợp đồng khi thỏa mãn điều kiện về khả năng tiên liệu hậu quả của hành vi vi phạm - gây tôn hại đến mức tước đi đáng kể những gì bên bị vi phạm có quyền kỳ vọng từ hợp đồng.

2.3 Quy định của pháp luật Việt Nam về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

2.3.1 Quy định của pháp luật Việt Nam

So với Công ước Viên, Luật Thương mại Việt Nam cũng có cách tiếp cận tương tự khi định nghĩa về vi phạm cơ bản tại khoản 13 Điều 3 của Luật như sau: Vi phạm cơ bản là sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.

2.3.2 Các dạng vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở Việt Nam

- *Chấm dứt thực hiện hợp đồng do bên kia vi phạm nghiêm trọng:*

Với ví dụ cụ thể trong Luận văn về Công ty M (Mỹ) 01/2015/M-N bán, lắp đặt và vận hành một máy in đã qua sử dụng cho công ty N (Việt Nam) với tổng giá trị hợp đồng là 400.000 (bốn trăm nghìn) đô la Mỹ

tác giả đã đưa ra được hướng giải quyết cũng như bài học kinh nghiệm.

- *Vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng:*

Cũng là một ví dụ trong Luận văn: Bên mua là một công ty chế biến thực phẩm của Hoa Kỳ đã ký hợp đồng với Bên bán, một công ty bán buôn thực phẩm có trụ sở tại Việt Nam về việc mua 5000kg thịt bò đông lạnh với giá 50.000 USD.

Trường hợp này Bên bán đã vi phạm cơ bản hợp đồng khi cung cấp toàn bộ số thịt quá hạn sử dụng và Bên mua có quyền hủy hợp đồng khi phát hiện vi phạm. Tuy nhiên Bên mua đã không thực hiện việc tuyên bố hủy hợp đồng và coi hợp đồng là đã bị chấm dứt theo Điều 26 của Công ước mà chỉ thông báo là sẽ không thanh toán. Thông báo này chưa đủ rõ ràng theo yêu cầu Điều 26 CISG và hợp đồng vẫn được coi là có giá trị ràng buộc với hai bên. Vì vậy Bên mua có lỗi khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

2.3.3 Nguyên nhân của thực tiễn vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở Việt Nam

- Một là, ý thức của chủ thể tham gia quan hệ pháp luật hợp đồng
- Hai là, hạn chế pháp luật của chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa
- Ba là, bất cập của pháp luật ảnh hưởng đến việc áp dụng các quy định của pháp luật hợp đồng

Kết luận Chương 2

Có thể nói rằng pháp luật về vi phạm cơ bản hợp đồng là một chế định vô cùng quan trọng trong Pháp luật dân sự Việt Nam nói riêng và trong hệ thống Pháp luật Việt Nam, cũng như pháp luật quốc tế nói chung. Từ việc đưa ra được các quy định còn mâu thuẫn, hạn chế của các quy định trong pháp luật hợp đồng nhằm hiểu rõ được những mặt tồn đọng để cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về vi phạm cơ bản hợp đồng, nhất là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VI PHẠM CƠ BẢN HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

Sự cần thiết phải khắc phục vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế ở Việt Nam:

Vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế nói riêng luôn gây ra những lợi hại về quyền và lợi ích cho bên vi phạm, khiến mục đích của hợp đồng không thể đạt được. Trong bối cảnh việc giao kết các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được thúc đẩy tiến hành, việc nhìn nhận rõ ràng về những vấn đề mang tính rủi ro có thể xảy ra trong quá trình giao kết các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế chính là yếu tố mang tính then chốt, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho tất cả các bên trong quan hệ hợp đồng, tạo ra một môi trường hợp tác thuận lợi và an toàn.

Nhìn nhận vấn đề vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế hiện nay ở Việt Nam vẫn còn diễn ra, điều này cần thiết cho việc đề xuất, định hướng các giải pháp mang tính khả thi, tập trung tháo gỡ các vướng mắc, những hạn chế trong quá trình áp dụng pháp luật vào thực tế.

3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Trong bối cảnh hiện nay, nhằm giải quyết vấn đề vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, các nhiệm vụ mang tính nền tảng cần nghiên cứu thực thi bao gồm: Xúc tiến việc thực hiện Công ước viên về mua bán hàng hóa quốc tế và tiến hành sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật Việt Nam về mua bán hàng hóa quốc tế, tạo ra một cơ chế thuận lợi, giúp bảo vệ tối đa quyền lợi của các bên chủ thể, cụ thể là:

3.1.1 Sửa đổi, bổ sung quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng trong pháp luật Việt Nam

Việc sửa đổi, bổ sung quy định về vi phạm cơ bản trong pháp luật Việt Nam cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng trong pháp luật Việt Nam theo hướng tạo sự thống nhất trong sử dụng thuật ngữ, giải thích và áp dụng quy định về vi phạm cơ bản trong tất cả các văn bản pháp luật hiện hành về hợp đồng.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng của pháp luật Việt Nam nhằm giúp các bên giao kết hợp đồng dễ dàng áp

dụng các chế tài có liên quan khi có sự vi phạm cơ bản hợp đồng.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung quy định về vi phạm cơ bản hợp đồng của pháp luật Việt Nam nhằm tạo sự thuận lợi và thống nhất cho các cơ quan giải quyết tranh chấp về hợp đồng của Việt Nam trong việc áp dụng các chế tài khi có sự vi phạm cơ bản hợp đồng.

3.1.2 Các giải pháp cụ thể

3.1.2.1 Thống nhất sử dụng thuật ngữ “vi phạm cơ bản” hợp đồng

Việc tồn tại song song hai thuật ngữ “vi phạm nghiêm trọng” và “vi phạm cơ bản” trong pháp luật hợp đồng của Việt Nam gây ra không ít những khó khăn trong quá trình vận dụng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần thống nhất việc sử dụng thuật ngữ “vi phạm cơ bản” bởi các lẽ sau đây:

Một là, thuật ngữ “vi phạm cơ bản” như trong Luật Thương mại hiện nay được tiếp thu từ pháp luật nước ngoài và đã được kiểm chứng thực tiễn áp dụng của các tòa án, trọng tài của một số quốc gia thành viên Công ước. Trong khi đó, nhìn nhận về thuật ngữ “nghiêm trọng”, vốn dĩ đã tồn tại trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam, đặc biệt có trong nhiều các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật hành chính. Nói cách khác, việc sử dụng thuật ngữ “vi phạm nghiêm trọng” có thể gây ra sự nhầm lẫn về mặt ngữ nghĩa của thuật ngữ này, khó phân biệt với thuật ngữ được sử dụng trong cách ngành luật khác (dân sự, hành chính, hình sự)

Hai là, việc sử dụng thuật ngữ “vi phạm cơ bản” sẽ giúp chúng ta hòa nhập vào nền pháp luật thương mại quốc tế một cách tự tin, chủ động, phù hợp với điều kiện đặc thù của Việt Nam cũng như góp phần bảo vệ quyền và lợi ích của các doanh nghiệp và nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế, tránh hiện tượng xung đột giữa Công ước Viên và pháp luật thương mại Việt Nam như Luật Thương mại, Bộ luật dân sự.

3.1.2.2 Sửa đổi, bổ sung Điều 297 Luật Thương mại 2005 về buộc thực hiện đúng hợp đồng

Để khắc phục những bất cập của Điều 297 Luật thương mại về buộc thực hiện đúng hợp đồng, cần nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định sau:

- *Sửa đổi khoản 2 Điều 297 theo hướng bao quát vi phạm hợp đồng hơn*

Để đảm bảo tính tương thích với các quy định khác về quyền và nghĩa vụ của người bán và người mua (bên cung ứng dịch vụ và khách hàng), đặc biệt là quy định về sự không phù hợp của hàng hóa tại Điều 39 Luật thương mại, cần sửa đổi lại điều khoản này như sau:

“Điều 297. Buộc thực hiện đúng hợp đồng

2. Trường hợp bên vi phạm giao thiếu hàng hoặc cung ứng dịch vụ không phù hợp với hợp đồng thì phải giao đủ hàng hoặc cung ứng dịch vụ theo đúng thỏa thuận. Trường hợp bên vi phạm giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ không phù hợp về chất lượng thì phải, với chi phí của mình, khắc phục sự không phù hợp đó của hàng hóa, dịch vụ hoặc giao hàng, cung ứng dịch vụ thay thế theo đúng hợp đồng nếu sự không phù hợp đó cấu thành một sự vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng. Bên vi phạm không được dùng tiền hoặc hàng hóa khác cùng loại, loại dịch vụ khác để thay thế nếu không được sự chấp thuận của bên bị vi phạm.”

- Sửa đổi khoản 3 Điều 297

Để đảm bảo tính logic của chế tài trong thương mại, quy định này tại khoản 3 Điều 297 cần được ghi nhận theo hướng trao quyền tự xử sự cho phù hợp đối với bên vi phạm, buộc bên vi phạm phải chịu các chi phí do hành vi vi phạm của mình, cụ thể đề xuất sửa đổi lại như sau:

“Điều 297. Buộc thực hiện đúng hợp đồng

3. Trong trường hợp bên vi phạm không thực hiện quy định tại khoản 2 Điều này thì bên bị vi phạm có quyền tự khắc phục sự không phù hợp của hàng hóa, dịch vụ và bên vi phạm phải trả các chi phí thực tế hợp lý”.

3.1.2.3. Sửa đổi Điều 39 Luật Thương mại 2005

Để tạo sự tương thích với các quy định khác của Luật thương mại, người viết kiến nghị sửa điều khoản nói trên như sau:

“Điều 39. Hàng hóa không phù hợp với hợp đồng

2. Bên mua có quyền từ chối chấp nhận hàng nếu hàng hóa không phù hợp với hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều này cấu thành vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.”

3.1.2.4. Sửa đổi khoản 2 Điều 299 và Điều 312

Trên cơ sở tham khảo quy định của Công ước Viên cho thấy, thực tiễn tòa án, trọng tài cho phép bên bị vi phạm có quyền hủy hợp đồng nếu đã gia hạn thời hạn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng cho bên vi phạm nhưng bên vi phạm vẫn không thực hiện hợp đồng trong thời gian gia hạn thêm đó. Thay vì quy định hủy bỏ hợp đồng do không thực hiện hợp đồng trong thời hạn mà bên bị vi phạm ấn định, thậm chí là tuyên bố không thực hiện nghĩa vụ hợp đồng, có thể sửa đổi khoản 2 Điều 299 cho phép chấm dứt hợp đồng bằng cách áp dụng trực tiếp chế tài đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ hợp đồng.

3.1.2.5. Bổ sung Điều luật quy định về hủy bỏ hợp đồng do vi phạm hợp đồng dự đoán trước (vi phạm hợp đồng trước thời hạn)

Hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn, khi có vi phạm dự đoán trước là vấn đề bị “bỏ ngỏ” trong luật hiện hành. Thực trạng đó đòi hỏi cần phải bổ sung điều luật quy định về vấn đề này.

3.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật

Thứ nhất, chú trọng và tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật trong nhân dân:

- Tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng;

- Cung cấp những văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành cho tất cả cán bộ trong ngành, giới thiệu văn bản pháp luật chuyên ngành và văn bản pháp luật có liên quan.

- Phát hành các tạp chí tìm hiểu, hỏi đáp pháp luật miễn phí cho người dân khi đến Tòa án.

- Tuyên truyền phổ biến pháp luật thông qua chi đoàn thanh niên, đội ngũ cán bộ cũng đã góp phần chuyển tải một số quy định của pháp luật đến với người dân một cách nhanh nhất. Đặc biệt là cần có sự kết hợp tuyên truyền pháp luật gắn liền với sinh hoạt văn hóa văn nghệ quần chúng sẽ đem lại hiệu quả thiết thực, thu hút được nhiều đối tượng tham gia.

- Mời các chuyên gia có kinh nghiệm luật quốc tế nói chuyện, chia sẻ và trao đổi kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Trong tình hình hiện nay, số lượng án các loại trong đó có án kinh doanh thương mại có chiều hướng gia tăng. Để Tòa án các cấp giải quyết, xét xử nhanh và đúng quy định của pháp luật thì cần thực hiện tốt các giải pháp trên.

Thứ hai, tăng cường công tác đào tạo cán bộ giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại:

Trong quá trình giải quyết án, Thẩm phán cũng còn một số tồn tại như chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ nên không thu thập đầy đủ chứng cứ; kiến thức pháp luật chưa vững, áp dụng pháp luật không chính xác dẫn đến đường lối xử lý không đúng; xác định sai tư cách người tham gia tố tụng. Ngoài ra, nhiều trường hợp xem xét vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự; xác định lỗi và áp dụng chế tài phạt vi phạm hợp đồng không đúng quy định.

Với số lượng vụ án kinh doanh, thương mại ngày càng gia tăng và tính chất vụ án ngày càng phức tạp như hiện nay, ngoài việc mỗi cán bộ cần phải tự học trao đổi kiến thức thì việc đào tạo, đào tạo lại cán bộ giải

quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại là nhiệm vụ cấp bách và cần thiết; bên cạnh đó cần tổ chức nhiều hội nghị cũng như mở rộng đối tượng tập huấn; tổ chức hội thảo chuyên đề pháp luật hàng quý hoặc năm, qua đó rút kinh nghiệm thực tiễn để tổng kết lý luận đưa ra những kiến nghị sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh hoặc hướng dẫn áp dụng pháp luật đáp ứng yêu cầu giải quyết án.

Thứ ba, xây dựng cẩm nang thương mại quốc tế dành cho các Doanh nghiệp Việt Nam và bộ quy tắc ứng xử khi tham gia vào sân chơi thương mại quốc tế để doanh nghiệp có cơ sở và hành lang pháp lý khi tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế.

Kết luận Chương 3

Như vậy, việc hoàn thiện quy định về vi phạm cơ bản theo hướng tạo sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam và Công ước Viên không chỉ đặt ra trong quá trình rà soát hệ thống pháp luật quốc gia trước khi gia nhập điều ước quốc tế mà còn cả trong giai đoạn thực thi, khi Việt Nam trở thành thành viên của Công ước Viên. Việc nắm bắt những điểm tương đồng và khác biệt giữa Công ước Viên và pháp luật thương mại Việt Nam sẽ giúp chúng ta hòa nhập vào nền pháp luật thương mại quốc tế một cách tự tin, chủ động, phù hợp với điều kiện đặc thù của Việt Nam cũng như góp phần bảo vệ quyền và lợi ích của các doanh nghiệp và nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế. Bên cạnh đó, việc tiếp thu có chọn lọc các quy định về không thực hiện cơ bản hợp đồng trong PICC, PECL sẽ góp phần hoàn thiện pháp luật thương mại Việt Nam và giúp các doanh nghiệp Việt Nam thuận lợi hơn trong việc áp dụng các văn bản này trong các giao dịch thương mại quốc tế với các đối tác đến từ các quốc gia công nhận và áp dụng các văn bản đó.

KẾT LUẬN

Một lần nữa có thể nói rằng vi phạm cơ bản hợp đồng là một chế định vô cùng quan trọng trong pháp luật dân sự Việt Nam nói riêng và trong hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung. Từ việc phân tích các quy định trong BLDS năm 2015, Luật Thương mại năm 2005, cũng như các văn bản quốc tế và pháp luật Việt Nam liên quan đến vấn đề này cho chúng ta thấy: Bên cạnh những quy định tích cực đã đạt được của pháp luật Việt Nam về vi phạm cơ bản hợp đồng thì vẫn còn những điểm hạn chế, bất cập, mâu thuẫn dẫn đến sự cần thiết phải hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về vi phạm cơ bản hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Có thể nói rằng, nội hàm khái niệm “vi phạm cơ bản hợp đồng” theo quy định của Luật Thương mại Việt Nam năm 2005 cũng như của Công ước Viên là rất rộng. Tuy nhiên, qua thực tiễn giải quyết một số vụ tranh chấp liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có áp dụng Công ước Viên, tòa án các nước thành viên cũng đã đưa ra được một số căn cứ thực tiễn làm cơ sở cho việc giải thích nhằm làm rõ khái niệm này. Mặc dù vậy, Tòa án của các nước khác nhau có quan điểm không giống nhau hoàn toàn khi gặp vấn đề liên quan đến vi phạm cơ bản hợp đồng.

Với Việt Nam, việc quy định “vi phạm cơ bản” trong Luật Thương mại năm 2005 là cần thiết để xử lý những trường hợp vi phạm hợp đồng là cơ sở để tuyên bố tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng. Việc áp dụng khái niệm này trong thực tiễn sẽ có thể gặp không ít khó khăn nếu không có được những hướng dẫn, giải thích cụ thể.

Việc hoàn thiện tổng hợp các quy định pháp luật về vấn đề trên nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa pháp luật Việt Nam với các quy định pháp luật quốc tế là đòi hỏi cấp thiết. Chỉ khi đảm bảo tất cả các yếu tố trên đây thì pháp luật Việt Nam mới đủ cơ sở pháp lý để đảm bảo quyền lợi của các chủ thể tham gia trong hợp đồng được thực thi một cách tốt nhất./.